TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2022/DS-ST
Ngày: 14-9-2022
V/v tranh chấp "Hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Quan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cường.

2. Bà Võ Thị Bích Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2022/TLST-DS, ngày 17 tháng 5 năm 2022, về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2022/QĐXXST-DS, ngày 03 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S (gọi tắt: Ngân hàng); địa chỉ trụ sở chính: đường NKKN, phường VTS, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Đức Thạch D: Ông Cao Hồng S - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền số: 3161/2021/QĐ-PL ngày 27/12/2021).

Cao Hồng S ủy quyền lại cho ông Đoàn Minh Đ (theo văn bản ủy quyền số: 82/2022/UQ-CNVL ngày 10/3/2022); địa chỉ: khóm N, thị trấn LH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Hồng Ph; địa chỉ: đường PTB, Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/3/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (gọi tắt: Ngân hàng) có ông Đoàn Minh Đ là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng và bà Nguyễn Hồng Ph có ký kết 01 Hợp đồng tín dụng và cấp cho bà Ph 01 Thẻ tín dụng, cụ thể:

1. Đối với Hợp đồng tín dụng.

Ngày 16/6/2018, Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Vĩnh Long - PGD LH và bà Nguyễn Hồng Ph ký kết Hợp đồng tín dụng số: LD 1816700307.

Số tiền cho vay: 60.000.000 đồng.

Thời hạn cho vay: 48 tháng, được tính từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên cho đến thời điểm trả hết toàn bộ nợ gốc, lãi và các chi phí phát sinh có liên quan.

Lãi suất trong hạn 9%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn và lãi phạt chậm lãi 10%/năm.

Mục đích vay: Vay tiêu dùng.

Tài sản thế chấp: Không.

Phương thức thanh toán: Nợ gốc và lãi bên vay trả hàng tháng vào ngày 30 tây, góp 48 kỳ, số tiền thanh toán cho 01 kỳ là 1.700.000 đồng, kỳ đầu tiên ngày 30/7/2018, kỳ cuối ngày 16/6/2022.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày giải ngân đầu tiên cho đến nay thì bà Ph đã thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng số tiền vốn lãi là 59.954.688 đồng (trong đó tiền vốn là 48.750.000 đồng và tiền lãi là 11.204.688 đồng). Trong khoảng thời gian từ ngày 30/7/2018 đến ngày 30/10/2021 bà Ph đã ngưng không thanh toán khoản tiền vay và lãi vay cho Ngân hàng, nên ngày 30/10/2021 thì Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở, yêu cầu bà Ph thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng vẫn không thực hiện.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Hồng Ph trả cho Ngân hàng số tiền vốn gốc còn nợ và lãi tính đến ngày 14/9/2022 đối với Hợp đồng tín dụng là 16.869.061 đồng. Trong đó:

Tiền vốn gốc còn nợ: 11.250.000 đồng.

Tiền lãi: 5.619.061 đồng (trong đó: Lãi trong hạn 4.587.893 đồng, lãi quá hạn 1.031.168 đồng).

2. Đối với cấp thẻ tín dụng.

Ngày 11/6/2019, bà Nguyễn Hồng Ph có đơn đề nghị Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Vĩnh Long cấp cho bà Ph 01 thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng. Ngân hàng phê duyệt chấp thuận theo đề nghị, cấp cho bà 01 thẻ số 356480 - 1783. Thời hạn sử dụng thẻ là 03 năm kể từ ngày phát hành thẻ, tài sản thế chấp: Không, lãi suất: 2,5%/tháng, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Sau khi cấp thẻ bà Ph đã thực hiện việc giao dịch rút tổng số tiền là 155.627.115 đồng nhiều lần từ ngày 30/9/2017 đến ngày 31/3/2021 đối với số thẻ là 356480-1783 (thẻ JCB).

Trong quá trình sử dụng số thẻ là 356480-1783 (thẻ JCB), từ ngày kích hoạt thẻ thì bà Ph đã thanh toán được 151.724.555 đồng trong khoảng thời gian từ ngày 30/9/2017 đến ngày 30/6/2021; đến ngày 30/6/2021 thì bà Ph đã ngưng không thanh toán khoản tiền vay và lãi vay cho Ngân hàng nên đến ngày 31/10/2021 thì số nợ của bà Ph ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn và tính lãi quá hạn từ ngày 31/10/2021.

Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nợ đến hạn thanh toán nhưng đến nay bà Ph vẫn không thanh toán nợ vay cho ngân hàng, vì vậy bà Ph đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ đã ký kết trong hợp đồng. Do bà Ph đã vi phạm việc thanh toán nên ngân hàng đã tạm khóa quyền sử dụng thẻ tín dụng nêu trên của bà Ph từ ngày 31/10/2021.

Đến ngày 14/9/2022, bà Ph còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi như sau: Đối với số thẻ là 356480-1783 (thẻ JCB): nợ gốc là 34.013.296 đồng, nợ lãi quá hạn là 14.061.006 đồng. Tổng cộng vốn và lãi bà Ph còn nợ là 48.074.302 đồng. Ngân hàng khóa thẻ do bà không thanh toán gốc, lãi cho Ngân hàng. Do bà Ph vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Hồng Ph trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi đến ngày 14/9/2022 đối với Thẻ tín dụng là 48.074.302 đồng. Trong đó:

Tiền vốn gốc còn nợ: 34.013.296 đồng.

Tiền lãi quá hạn: 14.061.006 đồng.

Như vậy, Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Hồng Ph phải trả cho Ngân hàng TMCP S 02 khoản vay đối với Hợp đồng tín dụng và đối với Thẻ tín dụng, tổng số tiền tính đến ngày 14/9/2022 là 64.933.363 đồng, trong đó nợ gốc là 45.263.296 đồng, nợ lãi trong hạn là 4.587.893 đồng, nợ lãi quá hạn là 15.092.174 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh được tính từ ngày 15/9/2022 trên dư nợ gốc đến khi bà Ph thanh toán xong nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số LD1816700307 ngày 16/6/2018 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 11/6/2019.

Bị đơn bà Nguyễn Hồng Ph: Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo ngày mở phiên họp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhiều lần nhưng bà Ph đều vắng mặt, không cung cấp chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với người đại diện hợp pháp của nguyên đơn.

Bị đơn Nguyễn Hồng Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Đối với Hợp đồng tín dụng.

Hợp đồng tín dụng số LD 1816700307 ngày 16/6/2018 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Vĩnh Long - PGD LH và bà Nguyễn Hồng Ph là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật. Ngân hàng có quyền thực hiện hoạt động cho vay được quy định tại Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp Tòa án đã chứng minh bà Nguyễn Hồng Ph ký nhận số tiền vay 60.000.000 đồng bằng hình thức nhận tiền mặt vào ngày 16/6/2018. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Ph đã thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng số tiền vốn lãi là 59.954.688 đồng (trong đó tiền vốn là 48.750.000 đồng và tiền lãi là 11.204.688 đồng). Từ ngày 30/7/2018 đến ngày 30/10/2021 bà Ph đã ngưng không thanh toán khoản tiền vay và lãi vay cho Ngân hàng. Ngày 30/10/2021, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Do bà Ph không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận. Bà Ph đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, do đó yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên được chấp nhận. Vì vậy, buộc bà Nguyễn Hồng Ph có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay còn nợ 11.250.000 đồng.

Về tiền lãi: Hợp đồng tín dụng số LD 1816700307 ngày 16/6/2018 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Vĩnh Long - PGD LH và bà Nguyễn Hồng Ph thỏa thuận lãi suất trong hạn 9%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn và lãi phạt chậm lãi 10%/năm. Xét thỏa thuận này của các đương sự phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bà Ph có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm gồm: Lãi trong hạn 4.587.893 đồng, lãi quá hạn 1.031.168 đồng.

Vì vậy, bà Nguyễn Hồng Ph có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay và lãi 16.869.061 đồng.

[2.2] Đối với thẻ tín dụng.

Ngày 11/6/2019, bà Nguyễn Hồng Ph có đơn đề nghị Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Vĩnh Long cấp cho bà Ph 01 Thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng 30.000.000 đồng. Ngân hàng phê duyệt chấp thuận theo đề nghị, cấp cho bà Ph 01 thẻ số 356480 - 1783. Việc giao kết hợp đồng giữa Ngân hàng và bà Ph là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật. Ngân hàng có quyền thực hiện hoạt động cho vay được quy định tại Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp Tòa án đã chứng minh bà Ph có giao dịch bằng hình thức rút tiền mặt từ ngày 30/9/2017 đến ngày 30/6/2021 là 155.627.115 đồng, bà Ph đã thanh toán được 151.724.555 đồng (trong đó tiền vốn là 121.613.819 đồng, tiền lãi là 30.110.736 đồng), còn nợ số tiền vốn 34.013.296 đồng. Bà Ph không thực hiện nghĩa vụ thanh tiền toán gốc, lãi cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận. Do đó, bà Ph đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên được chấp nhận. Vì vậy, buộc bà Ph có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay còn nợ 34.013.296 đồng.

Về tiền lãi: Bà Ph và Ngân hàng thỏa thuận lãi suất trong hạn 2,5%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Xét thỏa thuận này của các đương sự phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bà Ph có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm gồm: Lãi quá hạn là 14.061.006 đồng.

Vì vậy, bà Nguyễn Hồng Ph có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay và lãi là 48.074.302 đồng.

Như vậy, bà Nguyễn Hồng Ph có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S 02 khoản vay đối với Hợp đồng tín dụng và đối với Thẻ tín dụng, tổng số tiền tính đến ngày 14/9/2022 là 64.933.363 đồng, trong đó nợ gốc là 45.263.296 đồng, nợ lãi trong hạn là 4.587.893 đồng, nợ lãi quá hạn là 15.092.174 đồng.

[3] Bị đơn Nguyễn Hồng Ph không tham gia phiên tòa, không có văn bản nêu ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đưa ra. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết mà nguyên đơn đưa ra là sự thật.

[4] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn bà Nguyễn Hồng Ph chịu tiền án dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền mà bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn, được tính như sau: 64.933.363 đồng x 5% = 3.246.668 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40, điểm a và b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, 273, 147, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuyên xử:

1. Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

Buộc bà Nguyễn Hồng Ph có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S 02 khoản vay, đối với Hợp đồng tín dụng và đối với Thẻ tín dụng với số tiền vốn vay còn nợ là 45.263.296đ (bốn mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm chín mươi sáu đồng), tiền lãi là 19.680.067đ (mười chín triệu sáu trăm tám mươi nghìn không trăm sáu mươi bảy đồng), tổng cộng vốn và lãi là 64.933.363đ (sáu mươi bốn triệu chín trăm ba mươi ba nghìn ba trăm sáu mươi ba đồng).

2. Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Hồng Ph phải chịu 3.246.668đ (ba triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi tám đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S 1.341.000đ (một triệu ba trăm bốn mươi mốt nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001180 ngày 27/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi nguyên đơn có trụ sở và Ủy ban nhân dân nơi bị đơn cư trú.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Chi cục THADS TP V;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Quan